

Số: 12/2025/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 27 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Gia Lai từ năm học 2025-2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 217/2025/QH15 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 176/TTr-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 24/BC-VHXXH ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Gia Lai từ năm học 2025-2026.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Gia Lai từ năm học 2025-2026.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục

Đơn vị: nghìn đồng/người học/tháng

STT	Cơ sở giáo dục	Vùng		
		Thành thị	Nông thôn	Vùng dân tộc thiểu số, miền núi và xã đảo
1	Mầm non	300	100	50
2	Tiểu học	300	100	50
3	Trung học cơ sở	300	100	50
4	Trung học phổ thông	300	200	100

Trong đó:

- Vùng thành thị gồm các phường: Quy Nhơn, Quy Nhơn Đông, Quy Nhơn Tây, Quy Nhơn Nam, Quy Nhơn Bắc, Bình Định, An Nhơn, An Nhơn Đông, An Nhơn Nam, An Nhơn Bắc, Bồng Sơn, Hoài Nhơn, Tam Quan, Hoài Nhơn Đông, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn Nam, Hoài Nhơn Bắc, Pleiku, Hội Phú, Thống Nhất, Diên Hồng, An Phú, An Khê, An Bình, Ayun Pa.

- Vùng nông thôn gồm các xã: An Nhơn Tây, Phù Cát, Xuân An, Ngô Mỹ, Cát Tiến, Đề Gi, Hòa Hội, Hội Sơn, Phù Mỹ, An Lương, Bình Dương, Phù Mỹ Đông, Phù Mỹ Tây, Phù Mỹ Nam, Phù Mỹ Bắc, Tuy Phước, Tuy Phước Đông, Tuy Phước Tây, Tuy Phước Bắc, Tây Sơn, Bình Khê, Bình Hiệp, Bình An, Hoài Ân, Ân Hảo, Vĩnh Thạnh.

- Vùng dân tộc thiểu số, miền núi và xã đảo gồm các xã: Bình Phú, Ân Tường, Kim Sơn, Vạn Đức, Vân Canh, Canh Vinh, Canh Liên, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Quang, Vĩnh Sơn, An Hòa, An Lão, An Vinh, An Toàn, Biền Hồ, Gà, Ia Ly, Chư Păh, Ia Khươl, Ia Phí, Chư Prông, Bàu Cạn, Ia Boong, Ia Lâu, Ia Pia, Ia Tôr, Chư Sê, Bờ Ngoong, Ia Ko, Al Bá, Chư Puh, Ia Le, Ia Hnú, Cửu An, Đak Pơ, Ya Hội, Kbang, Kông Bơ La, Tơ Tung, Sơn Lang, Đak Rong, Krong, Kông Chro, Ya Ma, Chư Krey, SRó, Đăk Song, Chơ Long, Ia Rbol, Ia Sao, Phú Thiện, Chư A Thai, Ia Hiao, Pờ Tó, Ia Pa, Ia Tul, Phú Túc, Ia Dreh, Ia Rsai, Uar, Đak Đoa, Kon Gang, Ia

Băng, KDang, Đak Somei, Mang Yang, Lơ Pang, Kon Chiêng, Hra, Ayun, Ia Grai, Ia Krái, Ia Hrun, Đứk Cơ, Ia Đok, Ia Krêl, Ia Púch, Ia Mơ, Ia O, Ia Chia, Ia Dom, Ia Nan, Ia Pnôn, Nhơn Châu và các thôn đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành.

Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản mới để quyết định việc sắp xếp, phân loại các vùng trên địa bàn tỉnh Gia Lai thì việc phân loại các vùng tại Nghị quyết này được áp dụng quy định tại văn bản mới.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách nhà nước bảo đảm thực hiện.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai thông qua và được thực hiện từ năm học 2025-2026.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ 4 (chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 10 năm 2025. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ GD&ĐT;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH



Rah Lan Chung